

T RÚNG RÒNG LẠI NỞ RA RÒNG

Ngày 30 là ngày cuối tháng tư nhưng năm 1975, nó cũng là ngày cuối của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) sau 21 năm tồn tại, qua 2 tuyên bố của Tổng thống Dương văn Minh, phát đi trên Đài phát Thanh Sài Gòn. Tuyên bố “ngưng bắn” lúc 9h30, “... yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ VNCH hãy bình tĩnh, không nổ súng và ở đâu ở đó...”. Và tuyên bố “đầu hàng vô điều kiện”, lúc 13h20, “... kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn...!!!”

Lúc đó, quân khu III, trừ 2 tỉnh (Phước Long đã mất từ đầu năm) Bình Long, Long Khánh, và quân khu IV vẫn còn nguyên vẹn!

Trên lý thuyết, kể từ 13h20 ngày 30/4/1975, quốc gia VNCH đã bị đương kim Tổng thống giải thể, kéo cờ trắng. Nhưng thực tế không như thế. Tuy đại đa số đơn vị quân lực VNCH chấp hành buông súng, nhưng vẫn có những cá nhân “bất tuân thượng lệnh”. Như ngay thủ đô, một số quân nhân (Nhảy Dù, v.v.), vẫn cầm súng chận giặc. Như ở Thủ Đức, Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền của Thiếu tá Trần văn Hợp vẫn tiếp tục chiến đấu cho đến chiều ngày 30/4. Ở vùng IV, sau lệnh đầu hàng (!) hai vị Tư lệnh và Tư lệnh phó đều tự sát (Tướng Lê văn Hưng tới 30/4, Tướng Nguyễn khoa Nam sáng 1/5). Rắn mắt đầu nhưng đuôi vẫn đập. Như ở Chương Thiện, Đại tá Tỉnh Trưởng Hồ Ngọc Cẩn tiếp tục chiến đấu cho đến khi bị bắt ngày 1/5 và bị xử [bắn] 3 tháng sau đó. Sinh vi Tá, tử vi Thần! Như ở Long Xuyên, người Lính VNCH chiến đấu cho đến 18h30 ngày 1/5. Như ở Châu Đốc, mãi đến trưa 2/5, tỉnh lỵ mới hoàn toàn im tiếng súng, v.v.!



Phiên Tòa xét xử Cố Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn tại Sân Vận Động Quang Trung Cần Thơ ngày 14 tháng 8 năm 1975. (nguồnInternet)

Hậu quả của việc mất quân khu I (cuối tháng 3/75) và quân khu II (giữa tháng 4) là hầu hết các binh chủng đều chịu những mất mát, hao hụt rất nhiều! Từ các Sư Đoàn Bộ Binh (1, 2, 3, 22, 23) đến các đơn vị Tổng Trừ Bị: Lữ Đoàn Nhảy Dù (LĐIIND), TQLC (LĐ 147), 8 Liên Đoàn BĐQ đến các Lữ Đoàn Thiết kỵ, Không Quân (1, 2, 6), v.v. Riêng Hải Quân, do ở ngoài khơi, ít bị tác động bởi các cuộc tấn công của Việt cộng.

Tuy kế hoạch di tản của Hải Quân đã được lên khung ngay từ 17/4 nhưng Bộ chỉ huy đã quyết định tất cả phải ở lại nhiệm sở đến phút chót, nếu phải đi thì cùng đi [1].

Theo nhà văn Điệp Mỹ Linh: “... Chiều 27 tháng 4, tại tư dinh của Đại tướng Minh, số 3 Trần Quý Cáp Sài Gòn, trong phiên hội của Nội Các đang được thành lập, Phó Đô đốc Chung Tấn Cang, Tư lệnh Hải Quân, tiếp xúc riêng với Tướng Minh để bàn luận về tình hình quân sự. Tướng Minh cho Phó Đô đốc Cang biết tình hình vẫn chưa biến chuyển gì cả, vì ‘bên kia’ chưa chấp nhận tiếp xúc với V.N.C.H. Phó Đô đốc Cang đề nghị Tướng Minh nên chuyển Nội Các về Cần Thơ, bỏ ngõ Sài Gòn và ra lệnh tất cả đại đơn vị rút về Vùng IV Chiến Thuật; vì hiện tại Tướng Minh không có tư thế nào để thương thuyết. Lực Lượng Hải Quân còn nguyên vẹn, Phó Đô đốc Cang sẽ tận dụng tất cả Lực Lượng Hải Quân để chặn sông Tiền Giang và Hậu Giang. Tướng Minh im lặng, không có một quyết định nào cả...”

Tối 28 tháng 4, Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền, trong chính phủ Dương Văn Minh, đến thăm Phó Đô đốc Chung Tấn Cang, rồi cả hai Ông đến thăm Tổng thống Dương Văn Minh.

Trong lần tiếp xúc này, Phó Đô đốc Cang hỏi Tổng thống Minh về những biện pháp thích nghi cho tình hình hiện tại. Tổng thống Minh cho biết không có giải pháp nào cả. Phó Đô đốc Cang hỏi thẳng: “Thưa Tổng thống, nếu vậy, mỗi quân binh chủng phải tự quyết định lấy, phải không?” Tổng thống Minh chán nản: “Ôi! Toa làm sao đó toa làm!”

Vì lẽ đó, Bộ Tham Mưu Hải Quân họp khẩn. Lúc này Phó Đô đốc Cang có dự định đưa gia đình Hải Quân ra Phú Quốc lánh nạn để binh sĩ yên tâm chiến đấu. Nhưng tình hình biến chuyển quá nhanh khiến ý định của Ông không thực hiện được.

“Tướng Cang quyết định HQ sẽ chính thức ra đi vào lúc 6 giờ chiều ngày 29 tháng 4 và cuộc di tản dự trù sẽ hoàn tất vào lúc 22 giờ... đêm. Điểm hẹn là Côn Sơn...”

Một trong những bài viết về di tản gây cho tôi nhiều xúc động nhất là “Chuyến hải hành cuối cùng” của nhà văn Phan Lạc Tiếp, nguyên Thiếu tá Hải Quân. Ông Tiếp đưa gia đình ra đi tối 29/4 trên Dương vận hạm Thị Nại HQ 502 do Trung tá Nguyễn Văn Tánh chỉ huy, mang theo 5000 người.

Trong bài viết này, ông Tiếp kể một số chuyện xảy ra trên tàu, từ ngày 1/5 thoát khỏi Sài Gòn, cho lúc đến Côn Sơn ngày 2/5, và cập bến vịnh Subic Bay lúc 19h, ngày 7/5/1975.

Từ Côn Sơn, đoàn tàu gồm 27 chiếc, chia ra 3 Hải đội. Một do chính Tư Lệnh Hải Quân chỉ huy. Một do Đề Đốc Lâm ngưon Tánh, và một do phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh chỉ huy, trực chỉ vịnh Subic (Phi Luật Tân).

Theo ông Phan, bức “công điện” (chính thức) cuối cùng của “VNCH” là bức điện văn được Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh đọc qua âm thoại, ngày 7/5/1975, về 2 việc phải làm trước khi chuyển giao các chiến hạm cho Hải Quân Hoa Kỳ. Thứ nhất: hạ quốc kỳ VNCH, trương quốc kỳ Hoa Kỳ. Thứ hai: xóa tên chiến hạm VNCH!!!

Giọng của Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh qua hệ thống âm thoại, nguyên văn như sau:

Nhóm ngày giờ: 071010H|06|76 From: ela HQ 3

To: Tất cả các chiến hạm

Để chuyển giao các chiến hạm cho Hải Quân Hoa Kỳ Yêu cầu các nơi nhận chuẩn bị và thi hành khi có chỉ thị / Các chiến hạm tự tổ chức làm lễ hạ quốc kỳ Việt Nam và trương quốc kỳ Hoa Kỳ) tiểu đỉnh của Hoa Kỳ sẽ sơn và xóa tên chiến hạm Việt Nam ở sau lái / Giờ giắc thi hành sẽ thông báo sau / Hết.

(nguồn: “Nỗi Nhớ” / Phan Lạc Tiếp)

Thuật lại lễ hạ kỳ, ông Tiếp viết:

Gần đến 12 giờ thì sân chính đã quang. Các chân chiếu cũng ra đã tạm được thu lại. Các người lớn, nhất là đàn ông đều quần áo chỉnh và. Các quân nhân đủ mọi binh chủng cũng chỉnh tề, lon lá đầy đủ, tụ họp từng đám, nhóm nhóm tập hát bài quốc ca.

Đến 11 giờ 50 phút 59 sau ngày 07 tháng 6 năm 1976 thì hệ thống âm thoại đã nhận được lệnh “Sẵn sàng và... Hạ Kỳ”. Lời hô “Hạ Kỳ” vừa dứt đúng với kim đồng hồ của hệ thống chỉ huy. Cờ được từ từ kéo xuống và toàn tàu lời ca vang lên “Này công dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống...” Tất cả đều hát thật to. Các quân nhân vừa chào vừa hát, nước mắt đầm đìa. Khi bản quốc ca sắp dứt thì có nhiều người ôm mặt nức nở. Có người kêu lên “Con ơi, con ơi”. Nước mắt tôi chan hòa trên mặt. Tôi thấy như mình vừa đi dự một đám tang về. Lá quốc kỳ được cuộn lại, và Giáo sư Biển Thước đã xin được lá cờ này Làm kỷ niệm. Tôi nhìn lên cột cờ trống vắng. Nhìn giây cờ đập vào nhau lạch phạch. Tôi nhìn quanh, các bạn bè tôi, mọi người đều đầm đìa những lệ. Và lần lượt tụi tôi tháo lon trên cầu vai xuống. Có người vứt lon, vứt mũ xuống biển. Tàu trôi chậm, cái mũ cứ lừ đừ nổi trên mặt nước như hình thù một người chết trôi, bập bênh, bập bênh xa dần ở sau lái tàu.

Tôi đọc từng chữ của ông Tiếp, tưởng tượng mình đang có mặt giữa hàng trăm, hàng ngàn người đang “đứng nghiêm”, mắt hoen lệ, ngẩng đầu hướng về lá cờ vàng 3 sọc đỏ

đang từ từ kéo xuống, nghẹn ngào cố cất tiếng hát to “... Thù nước lấy máu đào đem báo...”. “Báo” cách nào đây, khi bản thân mình chưa biết “ngày sau sẽ ra sao”?!!!

Mấy chục năm qua rồi, nhưng bây giờ, khi gõ những con chữ này, tôi vẫn vô cùng xúc động!

Ông Tiếp cũng kể một câu chuyện rất thương tâm về phu nhân Thiếu tá Th. (khoá 15 Hải Quân,) có mang, sắp đến ngày sanh. 4, 5 hôm, trước khi tàu cập bến “Subic bay”, ngày nào bà cũng đến gặp ông, nhờ gọi loa tìm chồng. Sau buổi tối đi “quart” trên tàu, không thấy ông trở về! Nhiều câu hỏi được đặt ra: “có thể ông Th. bị tai nạn té xuống biển? Có thể ông tự tử?.. “. Nhưng không có câu trả lời vì không ai chứng kiến tận mắt cả! Mang theo cha mẹ già và 5 người con, mà bỗng dưng “lạc” chồng, quá tuyệt vọng, bà Th., trong lúc nằm nghỉ ở “phòng ăn Thượng Sĩ” đã lấy súng của ai đó định bắn vào đầu, cũng may có người thấy kịp, gạt tay bà, viên đạn bắn vào góc kẹt trên trần! Khi tàu cập bến vịnh Subic, ban “chi huy” tàu đã sắp xếp cho bà Th. xuống trước tiên, đứng ngay cầu thang, để nhìn từng người xuống tàu, hy vọng sẽ gặp được chồng! Và ông viết:

Xuống tàu. Cho đến 11 giờ đêm, con tàu đã vắng ngắt, tôi và Tánh mới rời khỏi tàu. Chị Th. vẫn còn đứng ở chân cầu thang. Chị ấy còn hỏi “Anh làm ơn kêu máy hộ tôi lần chót xem nhà tôi có còn đó không anh”. Tôi chạy lên phòng lái. Từ đó nhìn xuống sàn tàu giờ đã mênh mông đầy những rác. Tôi dùng máy gọi mấy lần. Tiếng máy phả vào thành tàu, dội lại từ hầm chiến xa, vang lên, u oa như lời đáp lại của âm hồn dưới cõi âm ty. Và bỗng nhiên giữa các vắng lặng, lạnh giá của đêm, tôi rùng mình, nổi gai ốc khắp hai cánh tay.

Hình dung một tối khuya, đứng trên cao, nhìn xuống cái sàn tàu rộng lớn, mới còn đầy mấy ngàn người, mà nay đã vắng ngắt, chỉ rác và rác, và tiếng phóng thanh vang vang, từ hầm chiến xa dội lại, và bóng người phụ nữ bụng mang, dạ chứa đang đứng dưới cầu thang. Giữa cái không gian đó, cái thời gian đó, cái hoàn cảnh đó, đâu chỉ có mình tác giả là rùng mình, nổi gai ốc khắp hai cánh tay?!!! Và cái bào thai đang nằm trong bụng mẹ đó, “nó” có nghe gì không? Có cựa quậy, đạp chân, phản ứng gì không?

1975–2025: cái bào thai đêm đó, hôm nay, đã là một “ông/bà”, đã nghề nghiệp vững chãi, đã có mái ấm gia đình riêng? Hay... “ngược lại”?! Và người thiếu phụ mất chồng đó, mong rằng chị đã nuôi 6 người con nên người! Bây giờ, ở tuổi (gần) 80, sức khỏe tốt, tôi vẫn tin là chị không quên chị là một trong 2 người cuối cùng rời con tàu “định mệnh” đó. Con tàu đã đưa chị và gia đình đến được bờ Tự Do cũng chính là con tàu làm cho anh chị chia xa!!!

Tháng 4/75.

Có cô nữ sinh lớp 9 (đệ tứ) trường Lê quý Đôn (Sài Gòn), theo gia đình di tản bằng trực thăng. 15 tuổi, cái tuổi “mơ được như trăng rằm tươi tắn” (Tuổi mộng mơ / Phạm Duy),

cái tuổi mà Tôn Nữ Thu Hồng đã viết “Hãy là hoa xin hãy khoan là trái. Hoa nồng hương mà trái lấm khi chua”. Tôi tự hỏi, có đóa hoa nào còn tỏa nổi hương thơm, khi bị ngắt đi từ khu vườn nhà êm ấm, bỏ vào chiếc... trực thăng vùn vũ giữa cái không gian “chạy giặc” náo loạn, âm ỉ đạn bom, dưới đất lẫn trên trời?! Thế mà đóa hoa đó đã “mang hương đi tỏa xứ người” từ trên 20 năm nay và là một trong những khoa học gia nổi tiếng trong Hải Quân Mỹ, người đã thành lập một “équipe” quy tụ trên 100 chuyên viên khoa học kỹ thuật, phát minh một loại chất nổ mới dùng trong việc chế tạo ra loại bom “áp nhiệt” mà quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng trong cuộc chiến Afghanistan, đánh phá các hầm sâu dưới đất, các hang động trong lòng núi của bọn phiến quân cuồng tín!

Tốt nghiệp đại học Maryland với hai bằng B.S. về hóa học và khoa học điện toán. Năm 1983, bà Dương Nguyệt Ánh bắt đầu làm kỹ sư hóa học tại trung tâm nghiên cứu vũ khí điện địa thuộc Hải Quân Hoa Kỳ.

Bà Dương Nguyệt Ánh là hậu duệ các cụ Vân Đình Dương Khuê, Vân Hồ Dương Lâm. Cụ Dương Khuê là bạn thân của cụ Yên Đỗ Nguyễn Khuyến (Bác Dương ơi, đã thôi rồi...). Theo wikipedia, bà Ánh “cùng vai vế với nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và giáo sư Dương Thiệu Tống, trong khi nhiều người dựa vào tuổi tác cho rằng bà gọi 2 người là bác. Trong gia phả họ Dương, mỗi đời con cháu đều dùng thống nhất một chữ lót khi đặt tên, bên nhánh nam thì lần lượt là Tự, Thiệu, Hồng, Nghiệp, Vi... và nhánh nữ lần lượt là Hạ, Nguyệt, Vân, Thúy.... Ví dụ, bà có một người chị họ tên là Dương Nguyệt Thường (1901–1978) hơn bà 59 tuổi, là con gái của ông Dương Tự Trác, con thứ của Dương Lâm”.

Tuy là một khoa học gia nổi tiếng trong quân đội Hoa Kỳ nhưng bà Dương Nguyệt Ánh rất khiêm tốn. Bà lại có khiếu “ăn nói”, nói “tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi” rất lưu loát, dùng đúng từ vựng. Chuyện cũng dễ hiểu vì từ bé bà đã mơ được làm văn sĩ nhưng sang Mỹ, thì nghe lời bố theo khoa học (tôi vẫn nghĩ người khoa học cũng là người mơ mộng). Nên chuyện bà được mời làm MC trong một số chương trình nhạc Asia cũng không có gì lạ.

Ngoài những huy chương cao quý nhận được từ quốc gia đã dang tay đón nhận mình trong con “hồng thủy”, bà cũng nhận được nhiều kính trọng, nể phục, thương mến của đồng bào hải ngoại. Những phát biểu, những hoạt động hỗ trợ các chương trình giúp đỡ anh em Thương Phế Binh bên nhà, cho thấy lúc nào bà cũng hướng về quê hương, một quê hương mà bà luôn hy vọng “Chính quyền Việt Nam đặt quyền lợi của dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân, của đảng để cho Việt Nam được tiên bộ và phú cường” [2]

Trúng Ròng lại nở ra Ròng!

Tháng 4/75.

Có chú bé 10 tuổi, theo bố mẹ di tản. Bố chú là Thiếu tá TQLC Lương xuân Đương (nguyên tùy viên cựu Tư Lệnh TQLC Lê Nguyên Khang), tác giả bài “Quân mạc tiếu”

(1997) gửi người bạn cùng binh chủng: Đại tá Phạm Văn Chung, nguyên Lữ đoàn trưởng 369, người đã cầm chân Bắc quân bên bờ Mỹ Chánh, mùa hè đỏ lửa 72. Bài viết nhắc lại chuyện ông Chung đã nắm trong tay một hỏa lực mạnh nhất Đông Nam Á thời điểm đó (i.e. “mấy chục cái B.52, mà vài cái đang bay trên trời, bốn mươi cái Tom Cat F14 đang nằm tại Đà Nẵng, tất cả các phi cơ chiến thuật ở khắp Đông Nam Á, và tất cả hải pháo của Đệ Thất Hạm đội”)! Và ông kết luận:

“... Hai lăm năm qua đi như giấc mộng, chúng ta những chàng tuổi trẻ oai hùng bên sông Mỹ Chánh ngày nào đã trở thành những người lính già. Và như Mc Arthur nói, chúng ta sẽ không chết, chỉ phai mờ đi thôi! Ông thầy tôi mờ đi rồi, mai mốt sẽ đến lượt anh, đến lượt tôi. Mình sắp mờ đi rồi mà vẫn chưa về lại được quê nhà thì cũng đành hét lên cho đủ 3 cái dũng của Tướng Patton: ‘Lẫm liệt, lẫm liệt, và lẫm liệt’ (Audacity, audacity, and audacity). Hét lên để nhắc nhở đám hậu duệ cái hoài bão của anh em mình, để một ngày nào đó con cháu mình sẽ về xây dựng lại một Việt Nam không Cộng sản độc tài và sắt máu. Bây giờ và mai sau, ‘Motto’ của chúng ta sẽ luôn luôn là:

***Nếu ta không về được
Thì con chúng ta sẽ về
Nếu con chúng ta không về được
Thì cháu chúng ta sẽ về
Nếu cháu chúng ta không về được
Thì hậu duệ của chúng ta sẽ về.”*** [3]

Rốt cuộc thì người Lính Mũ Xanh Lương xuân Đương không về được VN. Ông đã vĩnh viễn ở lại trên quê hương thứ hai 1997! Nhưng cậu con ông đã về. Cậu không “về” như hoài bão của bố. Nghĩa là về để “xây dựng lại một Việt Nam không Cộng sản độc tài và sắt máu”! Mà cậu về với cương vị một Thiếu tướng Lục Quân Hoa Kỳ trong cuộc hội thảo “Quản Lý Lục Quân Thái Bình Dương” lần thứ 42 ở Hà Nội (2018).... (nguồn: voa)



Đại tá Tôn Thất Tuấn (trái) và
Thiếu tướng Lương Xuân Việt (phải)
tại Hội Thảo Quản Lý Lục Quân
Thái Bình Dương 42 ở Hà Nội 22/8/2018.
(Nguồn VOA)

Tốt nghiệp cử nhân sinh học và thạc sĩ khoa học quân sự ở Đại học Nam California, năm 1987, Lương Xuân Việt tình nguyện vào quân đội, mang cấp bậc Thiếu úy Bộ binh.

6/8/2014, trong buổi lễ được vinh thăng Chuẩn tướng, Đại tá Lương Xuân Việt đã phát biểu bằng tiếng Việt, đã nói cảm ơn quân đội VNCH, cảm ơn đất nước VNCH. và nói câu nói bất hủ của Danh Tướng Lý thường Kiệt, “Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư”. Ngày 21/6/2018, ông được vinh thăng Thiếu tướng. Ông về hưu năm 2021 sau 34 năm phục vụ trong Quân đội Hoa Kỳ.

Trúng Ròng lại nở ra Ròng!

Tôi được xem 2 đoạn video thu Tướng Lương Xuân Việt trong một buổi nói chuyện trước một số đồng hương tại Hoa Kỳ: rất cảm động và hứng thú!!!

Rất cảm động khi ông Tướng nói lên lời cảm ơn trước sự hy sinh của các “anh em, chú, bác” trong cuộc chiến bảo vệ quê hương và sự tức giận khi biết một số cơ quan truyền thông, phim ảnh Hoa Kỳ gọi QLVNCH là “hèn”! Và ông nghẹn ngào. Và ông nuốt lệ! Một vị Tướng của một quân lực hùng mạnh nhất thế giới, từng xông pha trận mạc, từng chứng kiến cái chết, lại nghẹn ngào trước đám đông, ứa nước mắt trước sự vu cáo của đám ký giả, đạo diễn tả phái Mỹ!

Xin ghi lại những lời Tướng Việt trong đoạn video này:

“Tôi rất là kính nể, và tôi phải nói với mấy anh em chú bác là tôi kính nể, và cảm ơn sự hy sinh. Không những là sự hy sinh mà là sự nhục nhằn (có lẽ ông muốn nói ‘nhục nhẽ’?) như là bố tôi đã trải qua bao nhiêu năm. Tại vì, khi mà nói, tôi rất là thân với mấy anh BĐQ ở bên Dallas thì người ta có nói là: ‘em ơi, anh thấy nhục nhằn mà khi trong sách vở Mỹ, trong những cái phim ở nước Mỹ này, lúc nào nó cũng nói là mình hèn’ (ngưng một lúc lâu/vì nghẹn lời?).... Nhưng mà sự thật đâu vậy đâu. Không còn yếm trợ! Nếu mà tôi đọc cái sách mà ‘tháng 3 gãy súng’ của chú Cao Xuân Huy, tôi không ngủ được mấy đêm (muốn khóc / ngưng một lúc), tôi hiểu, I understand, mà tôi cũng hy vọng những thế hệ thứ hai của chúng tôi ở trong quân đội bây giờ làm sáng gương (nghẹn ngào) các anh, các bác”. [4]



Thiếu Tướng Lương Xuân Việt

Rất hứng thú khi ông Tướng Việt (Mỹ) ôm đàn, hát “Vững lầy của chúng ta”, rất đúng “ton”, đúng điệu, giữa những tiếng vỗ tay của đồng bào hiện diện hôm đó. Tự dưng mà tôi chảy nước mắt. Có lẽ vì cái hình ảnh đó đẹp quá! Cái chú bé di tản lúc 10 tuổi, nói không “rành” tiếng Việt, bây giờ là một người đàn ông bước vào tuổi 60, một cựu tướng lĩnh của quân đội Hoa Kỳ, ôm đàn hát Lê Uyên Phương rất “pas mal”. Ông Việt làm tôi liên tưởng đến 2 anh em tay–súng–tay–đàn Lê Minh Đảo & Lê Hằng Minh (nguyên Tiểu đoàn trưởng Trâu Điền TQLC)! [5]

Cám ơn Tướng Việt! Tôi xin ngã mũ trước ông tướng “trẻ” này!

Xem ra ông Tướng (hậu sinh) Lương Xuân Việt “tư cách” hơn 3 ông tướng lãnh (đạo) / tiền bối VNCH nhiều: ông “làm tướng quốc gia, nằm vùng CS”; ông Tướng Việt–kiều–yêu–golf quay về VN “làm Kinh tế chứ không làm Chính... chi”; ông đi “học” 12 năm để làm ủy viên Ủy ban trung ương Mặt Trận Tổ quốc VN!!! Thấy mà ngán ngẫm! Tên vậy mà không phải vậy! Nhị “Hữu” viết “Không”. Nhất “Cao” viết “Thấp”!!!

Nói về khoa học gia Dương nguyệt Ánh và Thiếu tướng Lương xuân Việt, không chỉ vì đó là hai tên tuổi được biết đến nhiều trong cộng đồng tị nạn, mà còn vì tôi muốn đưa ra 2 hình ảnh: một nữ, một nam, bên Văn (bà Ánh), bên Võ (Tướng Việt).

Năm 1954, với 1,000,000 người di cư từ Bắc vào Nam nhưng, cho đến trước 30/4, không nghe ai nói “thế-hệ-thứ-nhất, thứ hai, v.v.”. Như kể từ cái tháng 4 di tản! Những từ này, tuy không cầu chứng tại tòa, nhưng chúng thuộc về cộng đồng tị nạn VN, một cộng đồng với hơn 4 triệu người trên thế giới!

Thật ra, nói “thế-hệ-thứ-nhất, thứ hai” chỉ là một cách nói! Bố Mẹ một gia đình hay thanh niên tị nạn một mình cũng là “thế hệ thứ nhất”! Nhưng, một cách tổng quát, chữ “thế-hệ-thứ-nhất” được dùng để nói đến các bậc phụ huynh!

Một sớm, một chiều trở thành kẻ lưu vong, người tị nạn Việt Nam chấp nhận số phần nhưng không chấp nhận hoàn cảnh... Từ hai bàn tay trắng, từ những khác biệt khí hậu, ngôn ngữ, phong tục, v.v. người tị nạn VN thế-hệ-thứ-nhất, đã từng ngày, từng bước, qua bao gian lao, chịu bao khổ cực, “đi lại từ đầu”. Ở Hoa Kỳ, nhiều người làm 2, 3 công việc. Ở Pháp, tôi biết có ông, người thư sinh, mảnh khảnh nhưng làm “thợ nề” ở một nơi xa nhà hàng mấy trăm cây số, trong tuần ở đó, chiều thứ sáu về nhà, để chiều chủ nhật lại lấy xe lửa đi! Những giây phút họp mặt gia đình thật là hiếm quý! Mấy ông bác sĩ phe ta, trong khi chờ lấy bằng tương đương, thì “Trung tá Y sĩ” làm “Trung sĩ Y tá”. Kỹ sư làm thợ tiện. Luật sư đi giao hàng. Nhà văn đi bỏ báo. Cựu đồng lý làm “bảo vệ ban đêm”. Triết Tây chi bảo Nguyên Sa Trần Bích Lan làm thợ điện. Trung tướng Đặng văn Quang, nạn nhân của những vụ cáo chính trị (tham nhũng, v.v.) nhằm triệt hạ uy tín Tổng thống Thiệu, làm những công việc tay chân như quét dọn, rửa chén, và sắp xếp hành lý ở phi trường,” (theo Merle L. Pribbenow, tác giả “Victory in Vietnam: The Official History of the People’s Army of Vietnam”)!!!, v.v.

Thế hệ thứ hai ở Hoa Kỳ đã có 7 vị tướng: Thiếu tướng Lương Xuân Việt (Lục Quân), Thiếu tướng Lapthe Châu Flora (Vệ Binh Quốc Gia), Phó Đề đốc Nguyễn Từ Huân (Hải Quân), Chuẩn tướng Danielle J Ngô (Công Binh), Phó Đề đốc Vũ Thế Thùy Anh (Hải Quân), và Phó Đề đốc Tôn thất Tuấn (Hải Quân, con trai một sĩ quan Quân Cụ VNCH), phó Đề đốc Tuấn Nguyễn (2024). Riêng Tướng Nguyễn từ Huân (1959) chính là người con duy nhất sót lại sau cuộc thảm sát cả gia đình Trung tá Thiết Giáp Nguyễn Tuấn năm 1968 của đặc công Bảy Lốp. Tên này đã bị Tướng Nguyễn ngọc Loan, không kèm hãm được tức giận trước tin thảm sát gia đình bạn mình, đã bắn chết trước ống kính của một phóng viên Mỹ, làm tiêu tan sự nghiệp, thân bại danh liệt!!! Ngoài cấp tướng, còn rất nhiều cấp tá “gốc Việt-tị-nạn”. Như Hải Quân Đại tá Quân Y Phi Hành Nguyễn Cẩm Vân (U.S. Navy Commander Flight Surgeon), con gái một Trung úy Hải Quân di tản! Như Đại tá Cao Hùng, đương kim Thứ trưởng Hải Quân Mỹ (2025). Như Đại tá Diệp T. Khanh, Tham mưu trưởng học viện Quân Sự West Point, v.v.

Trên các địa hạt khác, nhiều người thuộc thế hệ thứ hai (di tản, vượt biên) đã làm sáng danh cộng đồng tị nạn: Văn chương (Nguyễn Thanh Việt, đến Mỹ năm 1975 lúc 5 tuổi, đoạt giải Pulitzer văn chương 2016 với tác phẩm *The Sympathizer*; Ocean Vương đoạt nhiều giải thơ, v.v.), nghệ thuật (Tiffany Chung, Dustin Nguyen), truyền thông (phóng viên Betty Nguyễn), chính trị (dân biểu, nghị sĩ, v.v.), v.v.

Đưa ra những tên tuổi Mỹ gốc Việt vì Hoa Kỳ là nơi có gần phân nửa số người tị nạn, không có nghĩa là thế-hệ-thứ-hai chỉ thành công ở Hoa Kỳ. Mà còn là ở Úc, ở Gia Nã Đại, ở Đức, ở Pháp, ở Anh, Ở Thụy Điển, Nhật Bản, v.v. Đặc biệt về Khoa học, Kỹ Thuật, Y Tế! Một số cũng rất thành công trên thương trường. Một trong những tỷ phú Mỹ gốc “tị-nạn” là Chu Chính, con trai Bác sĩ Chu Phú Chung (Y Khoa Sài Gòn 1972).

Trúng Ròng lại nở ra Ròng!

Điều gì đã khiến cho các thế hệ tị nạn, lớn lên sau 75, gặt hái nhiều thành công, có rất nhiều “sư, sĩ”? Ngoài các đức tánh: cần cù, chăm chỉ, siêng năng, hiếu học, “trả ơn”, v.v. của người Việt, có phải vì, đa phần, chính những người thân trong gia đình đã là tấm gương sáng để họ noi theo (ngay cả “nghề nghiệp”)?

Trong khi đó, những thế hệ lớn lên sau 75 trong nước thì sao?

Trên website “luatkhoa.com”, ông Bảo Khánh viết:

“... Tất cả những gì được học trên ghế nhà trường đã khiến tôi căm thù giặc Mỹ, ác cảm với chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Và tôi tin tưởng rằng cuộc chiến năm đó là chính nghĩa, giúp đấu tranh giải phóng dân tộc chống ‘đế quốc Mỹ và tay sai nguy quyền’. Mỗi khi lên đại học, gặp gỡ nhiều người hơn, đọc được nhiều thông tin đa chiều hơn, tôi mới bắt đầu hiểu về ‘bên còn lại’”.

Tôi biết được bấy lâu nay lịch sử tôi được học chỉ là thông tin một chiều của “bên thắng cuộc”. Họ đã cố gắng bôi đen hết mức có thể về “bên thua cuộc”, và gạt bỏ tất cả đóng góp của Việt Nam Cộng hòa về kinh tế, giáo dục, văn hóa ở miền Nam.

Tôi biết được những gì xảy ra ở miền Nam Việt Nam sau năm 1975 như xóa bỏ di sản Việt Nam Cộng hòa, vấn đề tù cải tạo, chính sách đánh tư sản mại bản, thảm kịch thuyền nhân, v.v. mà chính quyền hiện tại đã cố tình che giấu hay diễn đạt theo cách khác.

Kể từ khi biết đến những điều đó, tôi thấy mình dần lạc lõng giữa bầu không khí ăn mừng mỗi dịp 30/4.

Đáng buồn thay, sau nửa thế kỷ trôi qua, nhận thức về cuộc chiến giữa những người Việt với nhau vẫn chưa thể thống nhất.

Phần lớn người Việt đã đóng khung nhận thức về giai đoạn 1954–1975, và họ sẵn sàng đấu tố bất kỳ ai có quan điểm trái ngược.

Nhìn những gì diễn ra xung quanh mình, tôi có cảm giác người Việt còn thù hận người Việt hơn là những người bị họ gọi là “kẻ thù xâm lược”.

“Họ sẵn sàng bắt tay với một người Mỹ đi du lịch tại Việt Nam nhưng lại sẵn sàng mặt sát đến cùng những người có liên quan đến Việt Nam Cộng Hòa...” [6]

Cũng trên website này, người “trẻ” Hạo Nam nhớ lại:

“Đến nay, dù cuộc nội chiến đã lùi xa 50 năm, nhưng dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, các thế hệ học sinh, sinh viên vẫn còn được dạy về lòng thù hận, thay vì sự bao dung, xót thương cho nhiều thế hệ ông, cha của mình là nạn nhân của chiến tranh. Thanh thiếu niên đã được dạy nhiều hơn lòng tôn thờ lãnh tụ vĩ đại, thay vì các bài học sự thật lịch sử.

Nhiều thanh niên Việt Nam, cùng tuổi tôi, đã quen thuộc với hình ảnh Lê Văn Tám – cậu bé tự tử tấm xương để đốt kho xăng của Pháp – xuất hiện trong bộ sách Tiếng Việt tiểu học. Trong khi giới sử học nhiều lần khẳng định Lê Văn Tám chỉ là nhân vật hư cấu.

Ngay còn ở độ tuổi ‘mầm non’, chúng tôi đã được bồi dưỡng ý thức chính trị về lập trường giai cấp, qua các nghi thức sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh như: đeo khăn quàng đỏ, hát quốc ca, đội ca, diễu hành, v.v. Các nghi thức này được lồng ghép chủ đề ‘Yêu tổ quốc – Căm thù giặc’ với khẩu hiệu ‘Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại – Sẵn sàng!’.

Trong những buổi sáng sinh hoạt đầu tuần, chúng tôi thường được kể về những câu chuyện của trẻ nhỏ, nhưng được lồng ghép màu sắc chính trị. Chẳng hạn, câu chuyện anh hùng ‘diệt Mỹ’ Nguyễn Văn Trỗi – người đã cố ám sát Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ – hô to khẩu hiệu trước pháp trường: ‘Đả đảo bọn quân xâm lược Mỹ và tay sai! Việt Nam muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!, v.v.’” [7]

Một bên dạy vươn lên cho tương lai, đừng quên ơn quá khứ, v.v.! Một bên dạy tự mãn, căm thù, sùng bái cá nhân, v.v.!!!

Nếu có rất nhiều chuyện đau thương, buồn bã, đã xảy đến với “bên bại cuộc” sau ngày 30/4/75 thì một trong những nỗi vui, niềm hãnh diện của họ là sự thành công của thế hệ tiếp nối. Dù từ khổ cực trên xứ người, hay bị trù dập nơi xứ mẹ (như 3 người con của “Người Ở Lại Charlie” Nguyễn đình Bảo).

Trúng Ròng lại nở ra Ròng!

Ở xứ người, “đi lại từ đầu” là chuyện đương nhiên. Nhưng ngay trên đất nước mình, người miền Nam cũng phải “đi lại từ đầu”, với muôn vàn khổ cực, khó khăn hơn! Các sĩ quan trong giới y tế, kỹ thuật, tài chánh, công chức cao cấp, v.v. đều bị bỏ tù. Nhiều thầy giáo “tháo giày” đạp xích lô, nhiều giáo sư “mất dạy” bán cà phê vỉa hè vì lý lịch, những văn nghệ sĩ không bị tù, thì ngồi bán thuốc lá lẻ (Lê Xuyên / Chú Tư Cầu), làm công nhân mì sợi (Nguyễn Mộng Giác), thợ sơn mài (Dương Nghiễm Mậu), bán sạp báo (Trần Lê Nguyễn), v.v. Chưa nói đến vợ con họ bị “đi” vì lý lịch, v.v.

Theo ký giả Cao Nguyên [8], ngày 13/2/2025, ông Tô Lâm đã phát biểu: “Nhìn sang Singapore, xưa họ nói được sang Bệnh viện Chợ Rẫy chữa bệnh là mơ ước. 50 năm nhìn lại, giờ mình lại mơ sang họ khám bệnh”. Một số người lạc quan cho rằng đây là một tín hiệu tốt cho con đường hòa giải, hòa hợp. Tôi thì không. Trước ông Tô Lâm cả mấy chục năm, ông Võ Văn Kiệt cũng đã nói một câu làm “xôn xao dư luận”, về cái ngày 30/4: “có triệu người vui thì cũng có triệu người buồn”. Câu phát biểu đó không có gì mới mẻ cả. Nó chỉ nói lên cái sự thật “phũ phàng” cho Đảng. Là không có chuyện cả nước hồ hởi khi hay tin SG được giải phóng. Mà chỉ có một nhóm người thôi! Trong đó có ông Võ và ông Tô!

50 năm! Rất nhiều người thuộc “thế-hệ-thứ-nhất” (hải ngoại) hay thế hệ “thứ x” (quốc nội) đã ra đi. “Thế hệ thứ hai” của bà Ánh, của ông Việt, hôm qua mới còn măng, nay đã trúc tre rồi. Trên “quê hương cưu mang”, nếu thế hệ trẻ có những đóng góp nổi tiếng (trong hay ngoài “quốc-gia-mình”) thì, tôi không biết, chuyện đó có thể xảy đến cho con cháu “bên bại cuộc” bên nhà không (?). Không phải vì “ngoài” giỏi hơn “trong”. Mà vì không có chuyện tra xét... lý lịch, xem lại lập trường, v.v. trong chính sách, đường lối của Đảng!

Muốn hơn Singapore như “xưa” thì dễ quá. Cứ trở lại chế độ Cộng Hòa Tự Do như thuở Sài Gòn (còn) đẹp lắm đi. Vấn đề là có muốn làm không, hay “vouloir c’est... jamais? – ‘Còn Đảng còn mình’ mà!” Mà đâu chỉ có > 5 triệu “đồng chí mình”, còn “hậu duệ” của “mình” chi? Rồi tương lai chúng sẽ ra sao?

Vâng, “*trúng Ròng lại nở ra Ròng!*”

Nhưng: “*Liu diu thì nở ra dòng... liu diu!!!*”

13/7/2025

BP



Tác giả chú thích:

[1] – <https://dongsongcu.wordpress.com/2024/05/12/chuyen-ra-khoi-bihung-diepmylinh>

[2] – https://www.bbc.com/vietnamese/av/2009/03/090301_inv_duong_nguyet_anh_tc2

- [3] – <http://www.tqlc.org/tqlc/cs-quanmactieu.htm>
[4] – <https://www.tiktok.com/@ttngtran/video/7165685051550698794>
[5] – <https://www.tiktok.com/@ttngtran/video/7167044870719278378>
[6] – <https://luatkhoa.com/2025/04/biet-may-lan-50-nam-nua>
[7] – <https://luatkhoa.com/2025/04/30-4-khi-gioi-tre-duoc-day-han-thu>
[8] – <https://www.rfa.org/vietnamese/thoi-su/2025/02/21/to-lam-sai-go>



*nguồn: internet eMail by **lbp** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Ba, September 9, 2025
tkd, Khoá 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*